



80/2/2005 R 1-26

60 NĂM PHÁT TRIỂN NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

• GS.VS. PHẠM MINH HẠC
Viện Nghiên cứu Con người

(Tiếp theo kì trước)

2. Hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống giáo dục quốc dân khá hoàn chỉnh, thu nạp được từ trẻ 6 tháng tuổi đến đào tạo tiến sĩ, hàng trăm chuyên ngành - là một thành tựu rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục. Đây là cố gắng to lớn của Đảng và nhà nước trong 60 năm qua, kết quả của 3 cuộc cải cách và đổi mới giáo dục.

a. Cải cách giáo dục (CCGD) lần thứ nhất bắt đầu từ năm 1950* quy định cơ cấu trường phổ thông bao gồm 3 cấp học (9 năm): cấp I: 4 năm (lớp 1 - 4), thay bậc tiểu học cũ 6 năm; cấp II: 3 năm (lớp 5 - 7), thay bậc trung học đệ nhất cấp 4 năm; và cấp III: 2 năm (lớp 8- 9), thay bậc trung học chuyên khoa (phân ban) hay trung học đệ nhị cấp 3 năm.

Bên cạnh hệ thống giáo dục phổ thông có hệ thống giáo dục bình dân, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục cao đẳng, đại học. *Giáo dục bình dân* (cho người lớn) có ba cấp: (1) sơ cấp bình dân học 4 tháng, xoá mù chữ; (2) dự bị bình dân: học 6 tháng đạt trình độ lớp 2 - lớp 3 cấp I phổ thông; (3) bổ túc bình dân: học 8 tháng đạt trình độ lớp 5 - lớp bắt đầu cấp II phổ thông; và (4) trung cấp bình dân (trung học bình dân): học 18 tháng, đạt trình độ lớp 8 - lớp bắt đầu cấp III phổ thông.

Hệ thống *giáo dục chuyên nghiệp* gồm: (1) chuyên nghiệp sơ cấp, lấy học sinh tốt nghiệp cấp I (lớp 4) hoặc bổ túc bình dân vào học nghề từ 1 đến 2 năm; (2) chuyên nghiệp trung cấp, lấy học sinh tốt nghiệp cấp II (lớp 7) hoặc trung cấp bình dân vào học từ 2 đến 4 năm, ra thành cán bộ trung cấp kĩ thuật.

Hệ thống *đại học*, lúc đó có: (1) đại học y khoa, (2) cao cấp sư phạm, (3) cao đẳng công chính, lấy học sinh tốt nghiệp cấp III (lớp 9) hoặc 9 + 2 năm dự bị đại học vào học.

Trong vùng bị tạm chiếm, các trường vẫn dạy theo số năm học phổ thông, từ tiểu học đến trung học đệ nhị (12 năm) với nội dung, chương trình cơ bản giống trước 1945.

Như vậy là cho đến lúc giải phóng và hòa

binh lập lại ở miền Bắc (1945), từ vĩ tuyến 17 trở lên, miền Bắc có hai hệ thống giáo dục phổ thông: 9 năm và 12 năm.

b. Cuộc CCGD lần thứ 2 bắt đầu từ năm 1956, được tiến hành ở miền Bắc giải phóng, chuyển hệ giáo dục phổ thông từ 9 năm và 12 năm thành 10 năm, bao gồm: cấp I: 4 năm, từ lớp 1 đến lớp 4; cấp II: 3 năm, từ lớp 5 đến lớp 7; cấp III: 3 năm, từ lớp 8 đến lớp 10. Số tiết học trong tuần cấp I vẫn như trước (17 - 19 tiết), ở cấp II và cấp III tăng lên từ 20, 21 giờ lên 29 - 30 giờ.

Cơ cấu các ngành học về cơ bản không có gì thay đổi. Riêng sau đại học có bậc phó tiến sĩ và tiến sĩ. Toàn bộ sự nghiệp giáo dục, theo mục tiêu của cuộc CCGD lần này là tập trung vào phục vụ hai mục tiêu chiến lược cách mạng Việt Nam lúc đó là giải phóng miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc.

Riêng ở miền Nam Việt Nam từ 1945 sau Cách mạng tháng Tám có miền Nam Trung bộ và Nam bộ, và sau hiệp định Giơnevơ (1954) từ vĩ tuyến 17 xuống hết Nam Bộ, đến tháng 4 năm 1975 có vùng căn cứ địa, vùng du kích, vùng tranh chấp và vùng địch tạm chiếm. Ở vùng căn cứ địa và vùng du kích, vùng tranh chấp tại nhiều nơi đã liên tục tổ chức được phong trào bình dân học vụ, xoá mù chữ. Đặc biệt, từ những năm 60 thế kỉ trước đã tổ chức được một hệ thống chỉ đạo phát triển giáo dục từ xã, huyện, tỉnh, khu, và ở Trung ương cục miền Nam có Tiểu ban giáo dục (được thành lập từ tháng 10 năm 1962). Theo chỉ đạo của tiểu ban này đã tổ chức Đại hội thành lập hội nhà giáo yêu nước vào ngày 19 tháng 5 năm 1964, vạch ra đường lối xây dựng "nền giáo dục dân tộc, dân chủ và tiến bộ", đã hình thành và phát triển các trường văn hoá tập trung, đào tạo giáo viên và cán bộ quản lí, ở khu căn cứ thuộc Trung ương cục miền Nam có một trường sư phạm đào tạo giáo viên dạy cấp I (nay là tiểu học) và cấp II (nay là trung học cơ sở), có sự chi viện của ngành giáo dục miền Bắc, nhiều xã trong vùng này có trường dạy theo chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông miền

(*) Cuộc CCGD 1950 được tiến hành ở các vùng giải phóng, như các tỉnh ở Việt Bắc (Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Yên Bái), Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu), khu IV cũ (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên), một phần khu V cũ (Bình Định, Quảng Ngãi), một phần trong khu du kích ở đồng bằng sông Hồng (Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Hưng Yên).



Bắc; nhiều nơi trong vùng tiếp tục phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá. Trong những thập kỉ này ở thành thị nói riêng và vùng địch tạm chiếm nói chung, theo chỉ đạo của hội nhà giáo yêu nước đã có một số trường tư lỏng được nội dung giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước vào trong các bài giảng và các hoạt động giáo dục khác.

Ở thành thị miền Nam nói riêng, vùng tạm chiếm nói chung, từ 1945 đến 1954, tiếp tục theo hệ thống giáo dục Pháp, giáo dục phổ thông gồm 12 năm: tiểu học 5 năm, trung học đệ nhất cấp trung học cơ sở 4 năm, trung học đệ nhị cấp (trung học phổ thông) - 3 năm, cao đẳng và đại học 3 năm hoặc 4 năm trở lên; có chương trình Việt và chương trình Pháp. Từ sau năm 1954 chỉ còn một chương trình Việt, một ít trường được dạy chương trình Pháp; hệ thống giáo dục như trước, giáo dục phổ thông - 12 năm, cao đẳng, đại học - 3 năm hoặc 4 năm trở lên. Trường tiểu học được mở đến nhiều xã, trường trung học đệ nhất cấp (THCS) - đến quận, huyện, trung học đệ nhị cấp (THPT) mở ở cấp tỉnh, thành phố. Ngoài trường quốc lập, có nhiều trường tư, một số trường bán công, có trường trung học cộng đồng theo hệ thống giáo dục Mỹ. Có một số trường trung học kĩ thuật ở một vài thành phố lớn. Về giáo dục đại học, lúc đầu có Viện Đại học Sài Gòn, sau có thêm nhiều Viện Đại học khác ở Huế, Cần Thơ, Đà Lạt, Viện Đại học Minh Đức, Viện Đại học Vạn Hạnh, Viện Đại học Hoà Hảo v.v... Về cao đẳng, có nhiều trường cao đẳng kĩ thuật ở Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Mỹ Tho.

Tóm lại, đến năm 1975 ở Việt Nam có hai hệ thống giáo dục, một ở miền Bắc và vùng căn cứ địa cách mạng ở miền Nam, một ở thành thị và vùng tạm chiếm ở miền Nam. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3 đặt mục tiêu xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất của nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hoà bình.

c. CCGD lần thứ 3 bắt đầu từ năm 1979 sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Về hệ thống giáo dục, cuộc cải cách lần này nhằm thống nhất trong cả nước giáo dục phổ thông gồm 12 năm: 9 năm phổ thông cơ sở và 3 năm phổ thông trung học, cơ cấu hệ thống các ngành khác không có gì thay đổi; có thêm bậc thạc sĩ học 2 năm sau khi tốt nghiệp đại học. Sau đó là bậc tiến sĩ học 3 - 4 năm và bậc tiến sĩ khoa học không quy định thời gian học - cả ba bậc này gộp lại là ngành sau đại học.

Việc thống nhất hai hệ thống giáo dục phổ thông (10 năm ở miền Bắc và 12 năm ở miền Nam) được tiến hành bằng việc thay sách giáo khoa theo kiểu "cuốn chiếu" - mỗi năm một lớp - bắt đầu từ lớp 1 năm học 1981 - 1982. Như vậy cho đến năm học 1993 - 1994 mới thực hiện được việc dạy học ở trường phổ thông thống nhất theo một chương trình và một bộ sách giáo khoa, cuối năm học này lần đầu tiên sau mấy thập kỉ mới tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông (lớp 12) thống nhất trong cả nước.

Công cuộc đổi mới giáo dục bắt đầu từ năm 1987 (sau Đại hội VI - 1986). Cuộc CCGD lần thứ ba đang tiến hành, chưa kết thúc, nhưng chính thức được tiếp nối bằng đổi mới giáo dục từ sau Đại hội VI (từ đó đến nay không nói là CCGD, mà nói là đổi mới giáo dục). Về hệ thống giáo dục tiếp tục như trước: giáo dục phổ thông: tiểu học - 5 năm, THCS - 4 năm, THPT - 3 năm; dạy nghề: 6 tháng - 2 năm; trung học chuyên nghiệp: 2 năm, cao đẳng: 3 năm, đại học: 4 - 6 năm, thạc sĩ: 2 năm và tiến sĩ: 3 - 4 năm, tiến sĩ khoa học - không quy định thời gian học. Hệ thống này được khẳng định trong Luật Giáo dục (1998) và Luật Giáo dục sửa đổi (5- 2005),

Điều mới trong hệ thống nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân là ngoài các trường do Nhà nước tổ chức ra (các trường công lập) còn có các trường do một tổ chức đoàn thể hay cá nhân tổ chức gồm các trường bán công, dân lập, tư thục (gọi chung là các trường ngoài công lập). Kể từ sau 1975, các trường ngoài công lập được thành lập từ cuối thập kỉ 80 thế kỉ XX, chủ yếu ở bậc PTTH và đại học (bảng 1), hệ thống giáo dục ngày nay rất chú ý tới thực hiện nguyên tắc liên thông giữa các ngành học, tổ chức hệ thống giáo dục mở, chú trọng phát triển hình thức đào tạo phi chính quy, thực hiện học suốt đời, từng bước xây dựng xã hội học tập.

3. Một số thành tựu nổi bật.

a. Xoá mù chữ: Đây là thành tựu cực kì

Bảng 1: Tỷ lệ trường ngoài công lập và học sinh ngoài công lập

(% của tổng số trường và tổng số học sinh cùng cấp; về tổng số trường, xem bảng 2 ở dưới)

Ngành học	Số trường ngoài công lập	Số HS ngoài công lập
Mầm non	60,39	61,25
Tiểu học	0,54	0,34
Trung học cơ sở	0,93	2,1
Trung học phổ thông	29,32	31,82
Trung học chuyên nghiệp	14	11,18
Cao đẳng, đại học	12,62	13,28

Nguồn: Báo cáo của Bộ GD-ĐT số 9 - BC/BCSD ngày 18.4.2005



3. Một số thành tựu nổi bật.

a. Xoá mù chữ: Đây là thành tựu cực kì quan trọng mở đầu công cuộc xây dựng nền giáo dục nhân dân. Phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc ta, thực hiện chủ chương chống chính sách ngu dân của chế độ thực dân, Đảng ta và nhân dân ta liên tục cố gắng xoá mù chữ mở ra một thời kì phát triển mới: chống mù chữ được đánh dấu bằng Hội truyền bá quốc ngữ, được xú uỷ Bắc kì thành lập 1938, do Nguyễn Văn Tố làm chủ tịch và Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Phan Thanh, Vũ Đình Hòe v.v... cùng điều hành công việc của Hội. Thành niên cách mạng đồng chí hội trước năm 1930, Mặt trận Việt Minh sau năm 1940 đã thực hiện Phong trào Việt minh tới đâu, tổ chức học văn hoá ở đó. Người biết chữ dạy người không biết, người biết nhiều dạy người biết ít. Khi khu giải phóng Việt Bắc thành lập (4-1945), một nhiệm vụ nền tảng của các Uỷ ban giải phóng là: "Tổ chức việc chống mù chữ".

Đặc biệt sau Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, một trong các chính sách lớn của chính phủ lâm thời lúc bấy giờ là xoá bỏ mọi tệ hại của chính sách ngu dân và nâng cao dân trí. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố với đồng bào rằng, giặc dốt cũng nguy hại như giặc đói. Người xếp thứ ưu tiên: đầu tiên là giặc đói, thứ đến là giặc dốt, rồi cuối cùng mới đến giặc ngoại xâm. "Dốt" nghĩa hẹp là mù chữ, dốt nát nghĩa rộng là không hiểu biết ngu muội, không nắm được quy luật khách quan. "Dốt" đối nghĩa với thông thái, am hiểu, tư duy khoa học. Người đã nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", "Phải làm cho dân tộc ta trở thành một dân tộc thông thái", "làm sao ai cũng được học hành". Đó là tư tưởng chiến lược để xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục nước nhà. Trong 60 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của các cấp chính quyền, nhân dân ta đã tiến hành ba chiến dịch lớn chống mù chữ và ngày nay đang tham gia thập kỷ (1990-2000) chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, thập kỉ (2003-2013) giáo dục cho mọi người.

Ngày 8/9/1945, Chính phủ ban hành sắc lệnh thành lập bình dân học vụ bao gồm: Sơ cấp bình dân học vụ: biết đọc, biết viết; Dự bị bình dân: tương đương tiểu học (4 năm); Bổ túc bình dân cấp II: tương đương với sơ trung (4 năm).

Ngày 4/10/1945, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn dân chống nạn thất học: "Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải biết quyền lợi, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và

trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ". Lời kêu gọi gây xúc động mạnh mẽ trong toàn dân. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, một chiến dịch chống nạn mù chữ đầu tiên (1945-1946) được phát động rầm rộ trong toàn quốc, các lớp học bình dân được mở ra khắp mọi nơi. Trẻ em, người lớn hàng triệu người nô nức đi học, hàng vạn người biết chữ háng hái tham gia dạy người chưa biết chữ.

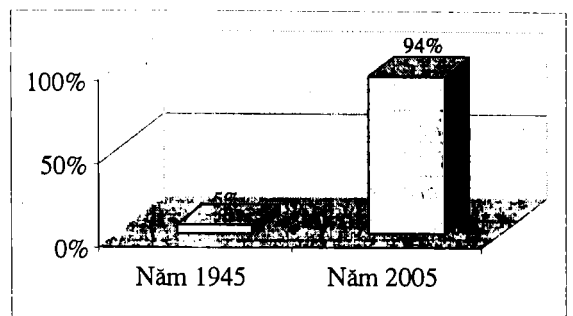
Kết quả là từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954, trên mặt trận diệt dốt, nước ta đã đạt được thành tích rất to lớn, trên 10 triệu người được xoá mù chữ.

Sau năm 1954, trong 4 năm liền đến năm 1958, một chiến dịch thứ 2 xoá mù chữ được tổ chức trên toàn miền Bắc (từ vĩ tuyến 17 trở lên). Lúc đó, nửa nước ở phía Bắc có 3 triệu người từ 12 tuổi đến 50 tuổi còn mù chữ. Kế hoạch 3 năm chống mù chữ được phát động từ năm 1956 đến 1958. Kết quả là đến cuối năm 1958, tất cả các tỉnh, thành phố, vùng đồng bằng và trung du miền Bắc đã hoàn thành xoá mù chữ cho nhân dân ở lứa tuổi từ 12- 50.

Tháng 4-1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, với kinh nghiệm và sự giúp đỡ của cả nước, phong trào chống mù chữ ở các tỉnh miền Nam bắt đầu sôi nổi, triển khai chiến dịch xoá mù chữ lần thứ 3, một triệu 32 vạn người trong số hơn 1,5 triệu người từ 12 đến 50 tuổi mù chữ được xoá mù chữ và khoảng như vậy, hơn 1,5 triệu người ở độ tuổi ngoài 50 trở lên còn mù chữ. Tất cả 21 tỉnh, thành phố miền Nam căn bản hoàn thành xoá mù chữ.

Công việc xoá mù chữ và tái mù chữ tiếp tục suốt mấy thập kỉ qua. Kết quả là Việt Nam từ một nước mù chữ thành một nước có học, thoát nạn mù chữ: trước năm 1945, cả nước dân số 20 triệu người có 5% người biết chữ, đến nay (2005, dân số hơn 80 triệu) có 93% đến 94% (theo nguồn tài liệu của UNDP: 93% (1997), theo Uỷ ban quốc gia XMC và Bộ Giáo dục và Đào tạo: 94%.

Hình 1: Tỷ lệ số dân biết chữ





b. Phổ cập giáo dục. Là một thành lớn tựu sau xoá mù chữ. Sau 45 năm (1954-1990) Chính phủ quyết định thực hiện thập kỉ (1990-2000) xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, kết quả là: ngày 26 tháng 12 năm 2000, nhà nước Việt Nam đã tuyên bố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua tại Hội nghị giáo dục toàn thế giới lần thứ nhất họp 1990 tại Jomtien, Thái Lan. Nay đang tiếp tục củng cố và phát huy kết quả *phổ cập giáo dục tiểu học*, như thực hiện phổ cập đúng độ tuổi (11 tuổi) học cả ngày (trước đây hầu hết các lớp học phổ thông đều học 1 buổi /ngày, nay đạt 60% số lớp bậc tiểu học 2 buổi / ngày), học sinh tiểu học được học đủ tất cả các môn học quy định (trước đây ở các vùng khó khăn các em chỉ học một vài môn: Toán, Tiếng Việt). Đồng thời bắt đầu từ năm 2001 cả nước thực hiện phổ cập giáo dục: đến nay (2005) đã được 1/2 số tỉnh, thành hoàn thành cấp phổ cập này, các tỉnh này đã bắt tay vào thực hiện phổ cập THPT, nâng trình độ dân trí ngày càng cao: từ một nước mù chữ, nay số năm đi học bình quân đầu người (kể từ 6 tuổi) lên 6,5 lớp đối với nam và 5,3 lớp đối với nữ (theo đề tài KHCN cấp nhà nước KX.05.06, 5-2005)

c. Về quy mô

- Hệ thống trường học ngày càng được mở rộng, số trường các cấp học được nâng lên nhiều lần (bảng 2), cơ sở nhà trường, thiết bị dạy và học năm sau hơn năm trước.

Bảng 2: Số trường học

Bậc học	Trước 1945*	2005**	Ghi chú
Mầm non	0	10.104	
Tiểu học	503	14.346	
Trung học cơ sở	250	8734	Ngoài ra còn có PTCS (từ 1-9): 1139
Trung học phổ thông	52	1685	Và Trung học (từ lớp 6-12) 455
Dạy nghề	4	546	
Trung học chuyên nghiệp	0	286	
Cao đẳng	4	127	Không kể các trường đại học và cao đẳng của lực lượng vũ trang và các đoàn thể chính trị xã hội
Đại học	4	90	
Đào tạo thạc sĩ	0	116	
Đào tạo Tiến sĩ	0	95	
Trung tâm giáo dục thường xuyên	0	535	Cả ở huyện và tỉnh

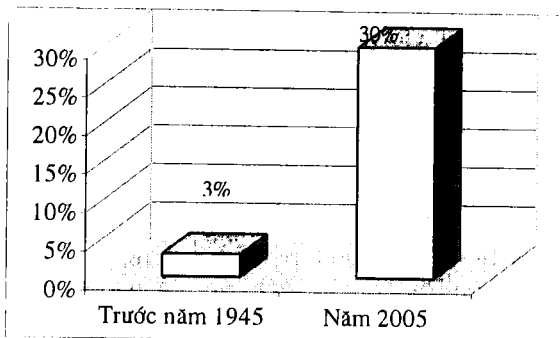
Dân số: 1945 là hơn 20 triệu người, năm 2005 là khoảng 80 triệu.

Nguồn: * Theo niên giám thống kê Đông Dương 1941 - 1942

** Bộ GD&ĐT. Tài liệu bổ sung về tình hình giáo dục 10-2004, tr 87

- Số người đi học trước năm 1945 chỉ chiếm 3% dân số, 2005 là 30% tăng 10 lần (hình 2), cả nước hiện nay có gần 24 triệu người đi học

Hình 2: Số người đi học (% tổng dân số)



d. Hệ trường chuyên: Phát triển giáo dục đại trà và mũi nhọn.

Đây là một điểm mới trong hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta: từ tiểu học có hệ lớp chọn và trường chuyên. Lớp chọn gồm học sinh giỏi trong một số lớp (khối lớp 10, lớp 11, v.v...) tập hợp lại vẫn học theo chương trình chung, nhưng có phần nâng cao, thường tập trung vào số môn như: Toán, Tiếng Việt ở tiểu học. Trường THPT chuyên dạy học sinh giỏi, ở một quận hay tỉnh thành (tiểu học, THCS, THPT), ngoài chương trình chung giống như các trường không chuyên, có chương trình nâng cao thường tập trung vào 1 môn như: chuyên Văn, chuyên Toán, chuyên Lí, chuyên Ngoại ngữ v.v... Ở Việt Nam từ năm 1956 THPT có các lớp chuyên Toán, chuyên Lí, chuyên Hoá được mở ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, sau đó là ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ năm 1997-1998, bỏ các trường chuyên ở tiểu học và trung học cơ sở, chỉ còn lại trung học phổ thông chuyên (có nơi gọi là năng khiếu), đến nay có 56 trường THPT ở 56 tỉnh, thành, phần lớn được thành lập sau năm 1987 (8 tỉnh miền núi và tây Nam bộ chưa có), và 8 trường (hoặc khối) THPT chuyên trong một số trường đại học. Năm học 2003-2004, có 42.756 học sinh theo